



**Trung tâm Tin học và
Thống kê**

**Cục Chế biến và Phát triển
thị trường nông sản**

**Viện Chính sách và Chiến
lược Phát triển nông nghiệp
nông thôn**

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 7/2018

Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 7 năm 2018 ước đạt 2,85 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2018 đạt 22,2 tỷ USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 11,6 tỷ USD, tăng 3,6% so với cùng kỳ năm 2017; xuất khẩu thủy sản ước đạt 4,63 tỷ USD, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2017; xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 0,31 tỷ USD, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2017; giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 5,03 tỷ USD, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2017.

Các mặt hàng tăng trưởng xuất khẩu tốt trong 7 tháng đầu năm 2018 là gạo (ước đạt 3,87 triệu tấn và 1,96 tỷ USD, tăng 12,2% về khối lượng và 29,2% về giá trị so với cùng kỳ 2017), rau quả (ước đạt 2,28 tỷ USD, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm 2017), các loại lâm sản chính (kim ngạch ước đạt 5,03 tỷ USD, tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2017), thủy sản (ước đạt 4,63 tỷ USD, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2017).

Các thị trường tăng trưởng xuất khẩu mạnh trong 6 tháng đầu năm 2018 là Indonesia (đối với gạo, cà phê, cao su), Nga (cà phê, hạt điều), Đức (đối với chè, hạt điều, hạt tiêu, cao su), Malaysia (đối với gạo, chè, gỗ, rau quả), Philippines (đối với gạo, cà phê), Ảrập Xêút (đối với chè), Iraq, Hongkong (đối với gạo), Mỹ (đối với chè, hạt điều, hạt tiêu), Ấn Độ (đối với cao su, hạt tiêu), Thái Lan (rau quả, thủy sản).

Trong tháng 7/2018, giá lúa gạo tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) giảm nhẹ; tiêu thụ lúa gạo từ các doanh nghiệp xuất khẩu còn chậm. Nhu cầu xuất khẩu giảm do các doanh nghiệp đã hoàn tất giao hàng theo các hợp đồng tập trung với Indonesia, Malaysia. Dự báo, thị trường lúa gạo trong nước sẽ sôi động vào các tháng cuối năm do nhu cầu tiêu thụ tăng từ các thị trường nhập khẩu. Giá gạo xuất khẩu tại Ấn Độ giảm xuống mức thấp 15 tháng trong tuần qua do đồng Rupee tiếp tục suy yếu và nhu cầu giảm do người mua đang chờ đợi giá giảm sâu hơn nữa. Giá gạo xuất khẩu của Việt Nam giảm tiếp do nguồn cung thu hoạch lúa Hè Thu đang tăng.

Giá cà phê giảm do dự báo vụ mùa mới năm nay của Brazil sẽ đạt kỷ lục hơn 3,6 triệu tấn, của Việt Nam dự kiến hơn 1,8 triệu tấn, đạt mức cao so với nhiều năm gần đây. Dự báo, thời gian tới, giá cà phê khó tăng do thị trường vẫn đang chịu áp lực nguồn cung từ mùa vụ mới và nhu cầu chưa có nhiều cải thiện.

Giá tiêu giảm do nguồn cung trong nước cũng như thế giới đang dồi dào, nhu cầu của thị trường xuất khẩu không tăng và các nước trồng tiêu lân cận như Malaysia, Indonesia sắp vào vụ thu hoạch mới. Dự báo, từ nay đến cuối năm, mặt hàng hạt tiêu sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn khi cung đang vượt cầu. Trong khi đó, trong những tháng cuối năm 2018, thị trường xuất khẩu điều nhân Việt Nam sẽ thuận lợi. Theo yếu tố chu kỳ, các nhà nhập khẩu thường đẩy mạnh mua nhân điều phục vụ cho nhu cầu tăng cao vào cuối năm.

Giá cá tra nguyên liệu tại ĐBSCL trong tháng 7 vẫn có xu hướng giảm sau thời gian dài duy trì ở mức cao kỷ lục.

Giá thu mua mít Thái tại Hậu Giang tăng do nhu cầu thu mua lớn để xuất khẩu sang Trung Quốc. Mưa bão nhiều ngày trong tháng qua đã khiến giá một số loại rau xanh ở các tỉnh miền Bắc, Bắc Trung Bộ và Lâm Đồng tăng mạnh. Dự báo với điều kiện thời tiết bất thường tại một số địa phương, giá mặt hàng rau các loại sẽ còn có xu hướng tăng do nguồn cung giảm.

Giá chè tại Bangladesh tăng phiên thứ 9 liên tiếp do nhu cầu đối với chè chất lượng tăng mạnh và nguồn cung thắt chặt. Giá vải Trung Quốc giảm do được mùa ở những khu vực trồng vải chính và trái vải khó bảo quản. Giá lợn hơi giao tháng 7/2018 thị trường Chicago, Mỹ biến động giảm nhẹ do sức mua yếu. Giá tiêu Ấn Độ vẫn có xu hướng giảm do nguồn cung lớn.

Diễn biến ngoại tệ với đồng Đôla Mỹ (USD) và Nhân dân tệ (CNY): Tháng 7/2018 tỷ giá USD/VNĐ tăng khá mạnh, theo niêm yết của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam ngày 27/7/2018: giá mua vào 23.155 bán ra 23.235, tỷ lệ tăng xấp xỉ 2% so với tháng 6/2018. Đây là yếu tố thuận lợi, cơ hội tốt cho xuất khẩu nói chung và xuất khẩu nông sản nói riêng, tuy nhiên nhập khẩu của chúng ta lại gặp bất lợi, đặc biệt là các mặt hàng nông sản phụ thuộc vào nguyên liệu nhập khẩu. Với đồng nhân dân tệ (CNY), diễn biến tỷ giá đồng nhân dân tệ so với đồng Việt Nam ngược lại với đồng Đôla Mỹ. Trước cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, tỷ giá CNY/VNĐ luôn ở mức ổn định 1CNY đổi 4000VNĐ, nhưng khi cuộc chiến xảy ra tỷ giá này đã giảm rất mạnh với tần suất giảm 2 tháng/lần và giảm mạnh nhất là các tháng gần đây tỷ giá mua vào bán ra tháng 6/2018 ở mức 1CNY đổi 3.538 VNĐ và tại thời điểm 26/7 là 1CNY đổi 3.461 VNĐ. Đây là yếu tố có ảnh hưởng không nhỏ đến xuất khẩu của Việt Nam vào thị trường Trung Quốc.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo

Khối lượng xuất khẩu gạo tháng 7 năm 2018 ước đạt 382 nghìn tấn với giá trị đạt 195 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu gạo 7 tháng đầu năm 2018 ước đạt 3,9 triệu tấn với kim ngạch gần 2 tỷ USD, tăng 12,2% về khối lượng và tăng 29,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Sáu tháng đầu năm 2018, Trung Quốc tiếp tục đứng vị trí thứ nhất nhập khẩu gạo của Việt Nam với 26,8% thị phần (891,7 nghìn tấn tương đương 474,8 triệu USD, giảm 27,4% về khối lượng và giảm 14,6% về giá trị). Tiếp theo là Indonesia với 18,2% thị phần (đạt giá trị 322 triệu USD), Philippines với thị phần 10,4% (đạt giá trị 183,5 triệu USD). Các thị trường có giá trị xuất khẩu tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2017 là Indonesia (đạt 322 triệu USD), Iraq (đạt 85,5 triệu USD gấp 2,5 lần), Malaysia (đạt 138,2 triệu USD tăng gấp 2,1 lần), Philippines (đạt 183,4 triệu USD, tăng 76,8%), và Bờ Biển Ngà (đạt 66,4 triệu USD, tăng 16,8%).

Trong tháng 7, nhu cầu gạo nguyên liệu phục vụ xuất khẩu giảm do các doanh nghiệp đã hoàn tất các hợp đồng xuất khẩu cho Indonesia và Philippines. Trong khi đó, nguồn cung trong nước tăng từ vụ Hè Thu khiến giá gạo trắng 5% tằm còn 385 USD/tấn, giảm 14,4% so với tháng trước, thấp hơn giá gạo cùng loại của Thái Lan (397 USD/tấn) và Ấn Độ (410 USD/tấn). Giá lúa gạo trong nước cùng thời điểm cũng giảm. Tại ĐBSCL, giá lúa tươi IR50405 đạt bình quân 5.000 đồng/kg, giá lúa khô IR50405 bình quân 6.000 đồng/kg, thấp hơn 100 – 200 đồng/kg so với cùng kỳ tháng trước. Giá lúa Jasmine và lúa thơm cũng giảm xuống còn 6.300 đồng/kg với lúa khô và 5.600 đồng với lúa tươi, thấp hơn khoảng 100 – 200 đồng so với tháng trước. Tuy nhiên, giá lúa các loại vẫn cao hơn từ 400 – 600 đồng/kg so với cùng thời điểm năm 2017.

Về cơ cấu gạo xuất khẩu, trong 6 tháng đầu năm kim ngạch xuất khẩu của gạo trắng 5% tằm đạt 550,4 triệu USD, chiếm tỷ lệ cao nhất 30,8%, chủ yếu sang thị trường Indonesia và Philippines. Các loại gạo thơm có kim ngạch xuất khẩu đứng thứ 2 với giá trị 472,6 triệu USD chiếm tỷ lệ 26,5%, thị trường tiêu thụ chủ yếu là Trung Quốc, Ghana và Iraq. Gạo nếp đứng thứ 4 sau gạo trắng 15% tằm với giá trị xuất khẩu 249,3 triệu USD, chiếm tỷ lệ 13,9%. Trung Quốc vẫn là thị trường tiêu thụ gạo nếp lớn nhất với thị phần 81,6% mặc dù từ tháng 7/2018, Trung Quốc tăng thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch với gạo nếp từ 5% lên 50% khiến xuất khẩu gạo nếp sang thị trường này giảm mạnh và giá xuất khẩu giảm 50 – 60 USD/tấn so với trước khi áp thuế còn 425 – 435 USD/tấn. Ngoài ra, xuất khẩu gạo cũng bị ảnh hưởng do Trung Quốc tăng cường kiểm soát nhập khẩu và nâng cao tiêu chuẩn về kiểm dịch thực vật với các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam.

Qua phân tích diễn biến thị trường, dự báo xuất khẩu gạo Việt Nam trong nửa cuối năm 2018 có dấu hiệu tích cực từ thị trường Philippines với nhu cầu nhập thêm

500.000 tấn gạo vào tháng 12. Giá gạo xuất khẩu của Ấn Độ sẽ có khả năng cao hơn so với các đối thủ cạnh tranh như Việt Nam hay Thái Lan do Chính phủ Ấn Độ vừa công bố nâng giá mua gạo từ nông dân lên 13% so với cùng kỳ năm ngoái bắt đầu từ vụ mùa hiện tại. Nhu cầu nhập khẩu của Iraq trong các tháng tiếp theo sẽ tăng do Iraq đang phải cắt giảm diện tích canh tác lúa để đối phó với tình trạng thiếu nước. Ngoài ra, các nước Châu Phi vẫn có nhu cầu nhập khẩu gạo tăng để đáp ứng nhu cầu nội địa ngày càng cao. Đây là những cơ hội cho xuất khẩu gạo của Việt Nam. Tuy nhiên, ngành gạo cũng sẽ đối mặt nhiều khó khăn khi muốn tăng xuất khẩu do thị trường lớn nhất là Trung Quốc tăng thuế nhập khẩu và tăng cường kiểm soát chất lượng. Đồng thời giá gạo cũng sẽ khó đạt được mức cao do đồng USD tăng giá gây sức ép lên giá xuất khẩu, nguồn cung từ vụ Hè Thu ở Việt Nam, Thái Lan cũng đang tăng cao. Do đó, các doanh nghiệp cần tập trung đẩy mạnh kiểm soát chất lượng gạo xuất khẩu và tìm kiếm thêm các thị trường xuất khẩu mới.

2. Gỗ và sản phẩm gỗ

Ước giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 7 năm 2018 đạt 642 triệu USD, lũy kế xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2018 ước đạt 4,8 tỷ USD, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 6 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu sang các thị trường chính gồm Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc lần lượt đạt 1,69 tỷ USD (tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2017); 564,2 triệu USD (tăng 2,7%); 527 triệu USD (tăng 4,7%); 452,7 triệu USD (tăng 50,5%). Hiện nay, xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ sang các thị trường truyền thống vẫn có những tín hiệu tốt và ổn định, các doanh nghiệp xuất khẩu đã ký các đơn hàng cho năm nay.

Ước giá trị nhập khẩu gỗ tháng 7/2018 đạt 170 triệu USD, lũy kế nhập khẩu 7 tháng đầu năm đạt 1,24 tỷ USD, tăng 0,4% so với cùng kỳ năm 2017. Trong 6 tháng đầu năm 2018, giá trị nhập khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ so với cùng kỳ năm 2017 của hầu hết các thị trường nhập khẩu chính đều tăng ngoại trừ Campuchia (giảm 51,3%), Thái Lan (giảm 8,9%), Malaixia (giảm 7,8%).

Trên thị trường thế giới, căng thẳng thương mại, thiếu hụt nguyên liệu tiếp tục là các yếu tố chi phối thị trường gỗ thế giới những tháng qua. Mới đây, Hoa Kỳ đe dọa đánh thuế 10% hàng hóa của Trung Quốc với giá trị lên tới 200 tỷ USD nếu Trung Quốc tiếp tục có những biện pháp trả đũa chính sách thương mại của Hoa Kỳ, các sản phẩm gỗ tròn (HS 4403), gỗ xẻ (HS 4407), gỗ lạng làm lớp bề mặt (4408), gỗ ván sàn (4409), gỗ dán (4412) và các sản phẩm thuộc nhóm đồ gỗ nội, ngoại thất (9403) của Trung Quốc nằm trong gói thuế quan này. Bên cạnh đó, kể từ 1/7, Canada chính thức áp thuế nhập khẩu sản phẩm gỗ dán và ghé gỗ nhập khẩu từ Mỹ để trả đũa chính sách thuế quan của Mỹ đối với sản phẩm nhôm thép.

Để phát triển lâm nghiệp và đa dạng hóa nguồn cung gỗ nguyên liệu, Trung Quốc cùng các nước tại khu vực Trung và Đông Âu đã thông qua “Kế hoạch hành động về cơ chế điều phối hợp tác lâm nghiệp giữa Trung Quốc và các nước thuộc khu vực Trung và

Đông Âu”. Ngoài ra, Trung Quốc sẽ hợp tác với Nga trong lĩnh vực buôn bán quyền sở hữu rừng, nền tảng thông tin lâm sản, chứng chỉ lâm sản, dịch vụ tài chính để phát triển ngành công nghiệp gỗ hai nước.

Trong ngắn hạn, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung chưa thể có tác động đáng kể nào đến hoạt động xuất nhập khẩu gỗ của Việt Nam. Tuy nhiên, trong trung và dài hạn, Việt Nam cần tính đến những thách thức về cạnh tranh trong xuất khẩu sang thị trường Mỹ đối với những sản phẩm có nguồn gốc từ Trung Quốc. Xu hướng dịch chuyển đầu tư vào ngành gỗ của các doanh nghiệp Trung Quốc sang Việt Nam sẽ gây nhiều áp lực đến ngành công nghiệp chế biến gỗ trong nước từ công nghệ cho đến nhân công giá rẻ. Do đó, các doanh nghiệp cần có những bước chuẩn bị để thích ứng với sự thay đổi trên thị trường thế giới, tận dụng cơ hội thúc đẩy xuất khẩu sang thị trường có giá trị cao như Mỹ, Nhật Bản.

3. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 7 năm 2018 ước đạt 663 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 7 tháng đầu năm 2018 ước đạt 4,63 tỷ USD, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2017. Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và Hàn Quốc là 4 thị trường xuất khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2018, chiếm 53,5% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản. Trong 6 tháng đầu năm 2018, các thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh là Hà Lan (tăng 56%), Đức (tăng 27,2%), Hồng Kông (tăng 23,9%), Anh (tăng 16,8%), Thái Lan (tăng 16,6%) và Trung Quốc (tăng 12,1%).

Thị trường tôm nguyên liệu tại ĐBSCL có xu hướng tăng giá đối với tôm sú và ổn định giá đối với tôm thẻ chân trắng sau khi tăng nhẹ vào tháng trước. Tại Bạc Liêu, tôm sú cỡ 30-40 con/kg dao động 170.000-190.000 đồng/kg, tăng 20.000 đồng/kg so với tháng trước. Giá tôm thẻ cỡ 50 con/kg đạt 105.000 đồng/kg, cỡ 60 con/kg đạt 95.000 đồng/kg, cỡ 100 con/kg đạt 72.000-75.000 đồng/kg. Tại Sóc Trăng, Bến Tre tôm thẻ chân trắng cỡ 50 con/kg đạt 113.000 đồng/kg, cỡ 70 con/kg đạt 100.000 đồng/kg, cỡ 100 con/kg đạt 80.000-83.000 đồng/kg. Dự báo giá tôm vẫn tiếp tục phục hồi và tăng trong những tháng cuối năm do nhu cầu thị trường tăng cao.

Thuế nhập khẩu cá tra vào thị trường Trung Quốc đã được điều chỉnh giảm khoảng 3 -4% kể từ ngày 01/7/2018 cụ thể: Thuế nhập khẩu phi lê cá tra đông lạnh mã 03046290, sẽ giảm từ 10% xuống còn 7%, thuế suất cá tra tươi hoặc ướp lạnh sẽ giảm từ 12% xuống 7%. Mặt khác, việc Mỹ áp thuế 10% đối với tất cả các sản phẩm thủy sản xuất khẩu của Trung Quốc sang Hoa Kỳ, kết hợp với thuế suất 25% đối với các sản phẩm thủy sản của Mỹ dự kiến sang Trung Quốc đã có hiệu lực sẽ tạo cơ hội để doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam vào các thị trường này.

4. Rau quả

Giá trị xuất khẩu rau quả tháng 7 năm 2018 ước đạt 289 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 7 tháng đầu năm 2018 ước đạt 2,3 tỷ USD, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm 2017. Trung Quốc đứng vị trí thứ nhất về thị trường nhập khẩu rau quả của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2018 với 74% thị phần. Xuất khẩu rau quả sang thị trường này trong 6 tháng đầu năm 2018 đạt 1,47 tỷ USD, tăng 18% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Sáu tháng đầu năm 2018, các thị trường có giá trị xuất khẩu rau quả tăng mạnh là Thái Lan (37,6%), Hàn Quốc (16,7%), Hoa Kỳ (15,9%) và Malaysia (12,9%).

Ước giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 7/2018 đạt 156 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 7 tháng đầu năm 2018 đạt 892 triệu USD, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, mặt hàng rau ước đạt 210 triệu USD, tăng 24,7% so với cùng kỳ 2017 và mặt hàng quả ước đạt 642 triệu USD, giảm 5,4% so với cùng kỳ năm 2017. Thị trường nhập khẩu rau quả lớn nhất trong 6 tháng đầu năm 2018 là thị trường Thái Lan (chiếm 45,3% thị phần), Trung Quốc (chiếm 19,4%). Trong 6 tháng đầu năm 2018 giá trị nhập khẩu rau quả ở hầu hết các thị trường chính đều tăng so với cùng kỳ năm 2017. Trong đó, thị trường có giá trị nhập khẩu rau quả tăng nhiều nhất là thị trường Hàn Quốc (tăng gấp 2,07 lần), tiếp đến là thị trường Hoa Kỳ (+90,7%) và thị trường Úc (+76,5%).

Trong tháng 7/2018, việc Trung Quốc mở rộng diện tích thanh long khiến lượng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc dự báo sẽ chững lại. Đó có thể là lý do thời gian gần đây thanh long Việt Nam thường xuyên gặp khó về đầu ra. Đối với trái loại 1, đóng vào thùng xuất khẩu có giá từ 14.000 – 15.000 đồng/kg đối với thanh long ruột trắng, 26.000 – 27.000 đồng/kg đối với thanh long ruột đỏ. Còn giá mua tại vườn (mua xô) thấp hơn nhiều, thanh long ruột trắng chỉ đạt 8.000 đồng/kg, thanh long ruột đỏ bán xô có giá 13.000 đồng/kg, trong khi đó vụ nghịch thanh long ruột trắng có giá từ 20.000-25.000 đồng/kg, thanh long ruột đỏ có giá từ 40.000-50.000 đồng/kg. Tại Hậu Giang, giá thu mua mít Thái tại vườn là 35.000 - 37.000 đồng/kg, tăng 10.000 - 12.000 đồng/kg so với tháng trước. Thời gian tới, giá mít Thái có thể duy trì đà tăng này do nhu cầu thu mua lớn để xuất khẩu sang Trung Quốc.

Mưa bão trong tháng 7 khiến giá một số loại rau xanh ở các tỉnh miền Bắc, Bắc Trung Bộ và Lâm Đồng tăng mạnh. Tại Đà Lạt, các loại rau ăn lá (xà lách cô rôn, xà lách xoong, lô lô xanh, lô lô tím) tăng khoảng 15.000 đồng/kg, giá hiện tại đạt 25.000 - 40.000 đồng/kg. Súp lơ xanh có giá 25.000 đ/bông; súp lơ trắng tăng lên khoảng 17.000 đ/bông, cải đắng có giá 25.000 đồng/kg, tăng 10.000 đồng/kg. Tại các chợ Hà Nội, rau muống hiện có giá 7.000 đ/mớ (tăng 2.000 đ/mớ); cải ngọt tăng giá từ 12.000 đồng/kg lên mức 15.000 đồng/kg, su su 12.000đồng/kg, mướp từ 12.000 đồng/kg tăng lên 15.000 đồng/kg, cà chua tăng từ 18.000 đồng/kg lên 20.000 đồng/kg. Một số loại củ, quả như khoai tây, bí đỏ, bí xanh, củ cải, cà rốt tăng nhẹ khoảng 2.000-3.000 đồng/kg. Giá rau

tăng cao là do mưa kéo dài khiến nhiều diện tích rau trồng ngoài trời bị hư hỏng, ngập úng, sản lượng rau giảm. Dự báo trong những ngày tới, giá rau các loại có khả năng tăng nhẹ do nguồn cung khan hiếm sau mưa bão.

Trong các tháng cuối năm, xuất khẩu rau quả có thể sẽ khó khăn do ảnh hưởng mùa mưa, sản lượng một số loại giảm. Đặc biệt ảnh hưởng chiến tranh thương mại Mỹ - Trung làm hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc giảm; Trung Quốc sẽ tăng cường tìm kiếm thị trường xuất khẩu nông sản mới và đẩy mạnh tiêu dùng nội địa, nhu cầu nhập khẩu giảm xuống; có thể ảnh hưởng đến xuất khẩu rau quả Việt Nam vào thị trường này. Tuy nhiên, trong thời gian qua, nhờ ký kết nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) đã tạo điều kiện cho ngành rau quả mở cửa các thị trường mới. Đây là cơ hội tốt để các doanh nghiệp xuất khẩu rau quả giảm phụ thuộc vào một thị trường. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cũng cần tăng cường các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi đảm bảo chất lượng rau quả phục vụ xuất khẩu, nhất là với việc thông tin, kiểm tra chất lượng của thị trường nhập khẩu.

5. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 7/2018 ước đạt 115 nghìn tấn với giá trị đạt 216 triệu USD, lũy kế xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1,16 triệu tấn và 2,22 tỷ USD, tăng 10,8% về khối lượng nhưng giảm 5,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Giá cà phê xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2018 đạt 1.927 USD/tấn, giảm 14,3% so với cùng kỳ năm 2017. Đức và Hoa Kỳ tiếp tục là hai thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2018 với thị phần lần lượt là 12,4% và 10,2%. Các thị trường có giá trị xuất khẩu cà phê trong 6 tháng đầu năm 2018 tăng mạnh là: Indonesia (gấp 8,9 lần), Nga (63,4%) và Philippin (61,1%). Xuất khẩu cà phê sang Indonesia tăng mạnh là do vụ thu hoạch chính của nước này vào thời điểm cuối năm, do đó, để đủ lượng cà phê giao dịch, Indonesia phải tăng mua từ một số thị trường có lượng cà phê dự trữ lớn như Việt Nam. Ngoài ra, Indonesia nhập khẩu cà phê Việt Nam với giá và chất lượng tốt để chế biến cà phê hòa tan, tiêu thụ nội địa, hoặc tái xuất.

Trong tháng 7/2018, thị trường cà phê trong nước biến động giảm nhẹ theo xu hướng thị trường thế giới. So với tháng trước, cà phê vối nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên giảm 100 – 300 đ/kg xuống còn 34.700 – 35.400 đ/kg.

Giá cà phê giảm do dự báo sản xuất cà phê tại các quốc gia xuất khẩu lớn thuận lợi (triển vọng vụ mùa mới năm nay của Brazil sẽ hơn 60 triệu bao, đạt kỷ lục chưa từng có và của Việt Nam sẽ hơn 29,9 triệu bao, đạt mức cao nhiều năm gần đây) khiến cung cà phê toàn cầu sẽ dư nhẹ so với tiêu thụ toàn cầu. Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) dự báo sản lượng toàn cầu niên vụ cà phê 2018/19 sẽ đạt 171,2 triệu bao (bao 60 kg) trong khi tiêu thụ toàn cầu cùng kỳ chỉ ở mức 163,2 triệu bao. Dự báo, thời gian tới, giá cà phê khó tăng mạnh do thị trường vẫn chịu áp lực nguồn cung từ mùa vụ mới và nhu cầu chưa có nhiều cải thiện. Doanh nghiệp và người dân cần thận trọng trong việc dự trữ tránh tình trạng giá giảm trở lại khi vào vụ thu hoạch trong quý 4 của Việt Nam.

6. Điều

Trong tháng 7/2018, xuất khẩu điều nhân ước đạt 27 nghìn tấn với giá trị 238 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu điều nhân 7 tháng đầu năm ước đạt 202 nghìn tấn với giá trị 1,94 tỷ USD, tăng 7,7% về lượng và 5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Hoa Kỳ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 38,1%, 12,9% và 10,5% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Sáu tháng đầu năm 2018, ngoại trừ Hà Lan và Úc, tất cả các thị trường xuất khẩu hạt điều chính của Việt Nam đều tăng mạnh.

Nhập khẩu điều thô tháng 7/2018 của Việt Nam ước đạt 174 nghìn tấn tương đương 323 triệu USD đưa tổng khối lượng và giá trị hạt điều nhập khẩu trong 7 tháng đầu năm 2018 đạt 700 nghìn tấn và giá trị đạt 1,46 tỷ USD, giảm 22% về khối lượng và giảm 15,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017.

Tính đến giữa tháng 7, giá điều nhân trên thị trường thế giới không có nhiều biến động. Tại cảng Delhi của Ấn Độ, giá điều nhân loại WW180 và loại WW210 ổn định ở 15.700 USD/tấn và mức 14.200 USD/tấn so với giữa tháng 6/2018; giá điều nhân vỡ hai mảnh giao dịch ở mức 10.900 USD/tấn, giảm nhẹ 0,11% so với giữa tháng 6/2018

Giá xuất khẩu bình quân mặt hàng điều nhân Việt Nam trong tháng 7 đạt 8.895 USD/tấn, giảm 173 USD/tấn (giảm 1,9%) so với tháng 6. Trong khi đó, giá điều nhân ở thị trường trong nước lại diễn biến trái chiều. Giá điều nhân tại Bình Phước tăng nhẹ, với điều nhân loại W240 tăng 5.000 đồng/kg lên mức 290.000 đồng/kg; điều nhân loại W320 tăng 10.000 đồng/kg lên mức 285.000 đồng/kg.

Theo cập nhật thị trường, Bộ An toàn thực phẩm Hàn Quốc cũng vừa ra thông báo, bước sang năm 2019 quốc gia này sẽ áp dụng hệ thống quản lý danh mục dư lượng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) đối với sản phẩm nông sản nhập khẩu trong đó có hạt điều của Việt Nam. Đây là thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp sản xuất và chế biến điều xuất khẩu trong nước. Yêu cầu đặt ra cho các doanh nghiệp là cần nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách của các nước nhập khẩu lớn, nâng cao giá trị sản phẩm thông qua tạo vùng nguyên liệu chất lượng cao, tập trung chế biến sâu sản phẩm để không mất đi tính cạnh tranh trên thị trường thế giới.

7. Tiêu

Xuất khẩu hạt tiêu trong tháng 7/2018 ước đạt 21 nghìn tấn, với giá trị đạt 64 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu hạt tiêu 7 tháng đầu năm 2018 ước đạt 153 nghìn tấn và 517 triệu USD, tăng 3,7% về lượng nhưng giảm 36,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Các thị trường chính của hạt tiêu Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2018 tiếp tục là Hoa Kỳ (với 87,4 triệu USD, chiếm 19,3%), Ấn Độ (với 39,5 triệu USD, chiếm 8,7%), Pakistan (với 22,6 triệu USD, chiếm 5,0%), Đức (với 19,1 triệu USD, chiếm 4,2%), và Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất (với 17,4 triệu USD, chiếm 3,8%). Trong đó, lượng xuất khẩu sang các thị trường đều tăng mạnh, trừ Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống

Nhất. Cụ thể, trong 6 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu sang thị trường Ấn Độ đạt 11,7 nghìn tấn, tăng 4,4 nghìn tấn (tương đương 59,4%); Hoa Kỳ đạt 23,6 nghìn tấn, tăng 1,8 nghìn tấn (tương đương 8,5%); Pakistan đạt 6,9 nghìn tấn, tăng 1,6 nghìn tấn (tương đương 29,9%) và Đức đạt 4,8 nghìn tấn, tăng 810 tấn (tương đương 20,1%). Trong khi đó, xuất khẩu sang thị trường Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất đạt 5,6 nghìn tấn, giảm tới 2,6 nghìn tấn (tương đương 31,8%).

Giá xuất khẩu hạt tiêu đen và hạt tiêu trắng giao dịch tại cảng Sài Gòn của Việt Nam giảm trong tháng 7/2018 khiến giá xuất khẩu hạt tiêu bình quân 7 tháng đầu năm 2018 ước đạt 3.379 USD/tấn, giảm tới 61,5% so với cùng kỳ năm 2017. Xu hướng này cùng chiều với xu hướng giá chung của hầu hết các quốc gia xuất khẩu chính trên thế giới, trừ Brazil có giá xuất khẩu hạt tiêu đen ổn định trong tháng 7.

Tại thị trường trong nước, giá thu mua hạt tiêu trong tháng 7/2018 tiếp tục giảm sâu. Tính đến ngày 24/7/2018, giá thu mua hạt tiêu đen giao động ở mức 52.000-53.000 đồng/kg, giảm từ 1.000 - 2.000 đồng/kg so với đầu tháng, và giảm từ 2.000 – 3.000 đồng/kg so với cùng kỳ tháng trước. Lý do chính của việc giá giảm vẫn là do sức ép từ nguồn cung hồ tiêu toàn cầu. Nguồn cung tăng đáng kể trong vài năm qua do việc mở rộng diện tích hồ tiêu ở hầu hết các nước sản xuất, đặc biệt là ở Việt Nam, Brazil, Campuchia và một số khu vực ở Indonesia.

Theo báo cáo tháng 6/2018, Hiệp hội hồ tiêu Quốc tế (IPC) nhận định giá hạt tiêu trong các tháng cuối năm 2018 được kỳ vọng sẽ không biến động nhiều, do Việt Nam đã kết thúc vụ thu hoạch và Indonesia tuy đã bắt đầu vào vụ thu hoạch nhưng nguồn cung từ nước này có thể sẽ không tạo áp lực đáng kể trên thị trường do hoạt động thu hái không thuận lợi. Việt Nam là nguồn cung hồ tiêu lớn nhất trên thị trường và Indonesia là nguồn cung hồ tiêu lớn thứ hai.

Trong khó khăn về tiêu thụ, các doanh nghiệp hồ tiêu Việt Nam cần phải chủ động được lợi thế là nắm giữ nguồn cung lớn, dự trữ hồ tiêu khô và tính toán vòng kinh doanh sản phẩm để có thể đẩy giá hạt tiêu đi lên. Bên cạnh đó, cần kiên quyết chuyển đổi cây hồ tiêu sang các cây trồng khác tại các diện tích hồ tiêu đang bị sâu bệnh hại nặng và các diện tích không phù hợp điều kiện thổ nhưỡng cho sản xuất hồ tiêu, nhằm giảm áp lực nguồn cung trong nước.

8. Cao su

Trong tháng 7/2018, xuất khẩu cao su ước đạt 131 nghìn tấn với giá trị 177 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu cao su đạt 696 nghìn tấn, tương đương giá trị 997 triệu USD, tăng 9,9% về lượng nhưng giảm 10,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trung Quốc, Ấn Độ và Đức là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2018, chiếm thị phần lần lượt 63,4%, 5,8% và 3,4%. Các thị trường có giá trị xuất khẩu cao su trong 6 tháng đầu năm 2018 tăng mạnh là Ấn Độ (35,7%) và Indonesia (10,8%).

Nhập khẩu cao su của Việt Nam tháng 7 ước đạt 42 nghìn tấn với giá trị 79 triệu USD, đưa tổng lượng và giá trị cao su nhập khẩu 7 tháng đầu năm đạt 332 nghìn tấn với giá trị 608 triệu USD, tăng 14,6% về khối lượng nhưng giảm 1,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Năm thị trường nhập khẩu cao su chủ yếu trong 6 tháng đầu năm 2018 là Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Đài Loan và Campuchia chiếm 61,5% thị phần. Trong 6 tháng đầu năm 2018, giá trị cao su ở một số thị trường nhập khẩu chính giảm. Trong đó, thị trường có giá trị nhập khẩu giảm mạnh nhất là Nga (-40,2%), Trung Quốc (-29,2%) và Nhật Bản (-13,6%). Ngược lại, một số thị trường có giá trị nhập khẩu tăng mạnh là Malaixia (+37%) và Indonesia (+12,8%).

Từ đầu tháng 7 đến nay, giá cao su thế giới vẫn trong xu hướng giảm. Căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc ngày càng leo thang đã gây áp lực xấu lên giá cao su. Giá cao su tại Sở giao dịch TOCOM ở Tokyo, Nhật Bản tính đến 20/7/2018 giảm 2% so với cùng kỳ tháng 6 xuống còn 1.486 USD/tấn. Tại Sở giao dịch Thượng Hải, giá cao su tháng 7 giảm 2,8% xuống còn 1.548 USD/tấn. Giá cao su liên tiếp giảm đã thúc đẩy Chính phủ Thái Lan lên kế hoạch giảm diện tích trồng cao su trong năm 2018, tiếp tục nỗ lực giảm sản lượng cao su tự nhiên để nâng giá cao su nội địa.

Giá cao su xuất khẩu bình quân Việt Nam có xu hướng giảm cùng chiều với giá cao su thế giới. Trong tháng 7, giá xuất khẩu bình quân đạt 1.347 USD/tấn, giảm 5,9% so với tháng 6. Giá cao su xuất khẩu bình quân 6 tháng đầu năm 2018 đạt 1.453 USD/tấn, giảm 21,5% so với cùng kỳ năm 2017.

Theo hệ thống cung cấp giá tại địa phương, giá cao su nguyên liệu trong nước diễn biến giảm nhẹ so với tháng trước. Giá thu mua cao su mủ nước tại Đồng Nai giảm 100 đồng/kg xuống còn 13.000 đồng/kg.

Thị trường cao su trong nước vẫn ảm đạm trong bối cảnh dự trữ cao su thiên nhiên ở các nước tiêu thụ hàng đầu kèm theo cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung chưa có dấu hiệu giảm nhiệt. Dự báo thời gian tới, giá cao su trong nước vẫn chưa thể khởi sắc.

9. Chè

Xuất khẩu chè tháng 7/2018 ước đạt 10 nghìn tấn với giá trị đạt 18 triệu USD. Lũy kế xuất khẩu chè 7 tháng đầu năm 2018 ước đạt 67 nghìn tấn tương đương 109 triệu USD, giảm 12,9% về lượng và 9,3% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Các thị trường chính của chè Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2018 tiếp tục là Pakistan (với 29,9 triệu USD, chiếm 32,8%), Đài Loan (với 12,6 triệu USD, chiếm 13,8%), Nga (với 11,1 triệu USD, chiếm 12,1%), Trung Quốc (với 7,2 triệu USD, chiếm 7,9%), Indonesia (với 4,4 triệu USD, chiếm 4,8%) và Mỹ (với 3,8 triệu USD, chiếm 4,1%).

Điểm nhấn của xuất khẩu chè trong tháng 6/2018 là sự khởi sắc trở lại của thị trường Pakistan, thị trường nhập khẩu chè lớn nhất của Việt Nam. Lượng xuất khẩu chè sang Pakistan tháng 6/2018 tăng tới 62,6% so với tháng 5/2018 và tăng 62,5% so với tháng 6/2017. Do đó, lũy kế xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2018 sang thị trường Pakistan,

tăng đến 1,3 nghìn tấn (tương đương 10,9%) so với cùng kỳ năm 2017. Các thị trường có mức tăng trưởng mạnh tiếp theo trong 6 tháng đầu năm 2018 là Đài Loan tăng 510 tấn (tương đương 6,7%), Mỹ tăng 429 tấn (tương đương 14,9%), Trung Quốc tăng 412 tấn (tương đương 7,9%) và Malaysia tăng 350 tấn (tương đương 21,0%) so với cùng kỳ năm 2017. Đáng chú ý nhất là sự tăng trưởng mạnh tại thị trường mới nổi Philippin. Tổng xuất khẩu chè sang Philippin trong 6 tháng đầu năm 2018 tăng đến 8,4 lần về lượng và 21,7 lần về giá trị, mặc dù Philippin không nằm trong top 10 thị trường chính của chè Việt Nam và xuất khẩu chè sang thị trường này chỉ đạt 376 tấn và 979 nghìn USD trong 6 tháng đầu năm 2018.

Nguyên nhân khiến lượng xuất khẩu chè các tháng đầu năm 2018 vẫn trong xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 2017 là do sự tăng trưởng từ các thị trường trên không đủ bù đắp cho sự suy giảm liên tục tại các thị trường chính khác. Cụ thể, trong 6 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu chè sang Nga, thị trường lớn thứ 2 của xuất khẩu chè Việt Nam – chiếm 13% thị phần, giảm đến 1,23 nghìn tấn (tương đương 14,3%), Tiểu Vương Quốc Ả Rập Thống Nhất giảm 1,19 nghìn tấn (tương đương 57,0%), và Indonesia giảm 427 tấn (tương đương 8,7%) so với cùng kỳ năm 2017.

Giá chè xuất khẩu bình quân 7 tháng đầu năm 2018 ước đạt 1.627 USD/tấn, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2017.

Tại thị trường trong nước, giá chè tháng 7/2018 tiếp tục giữ ở mức ổn định 105.000 đồng/kg đối với chè xanh búp khô, 200.000 đồng/kg chè cành chất lượng cao tại thị trường Thái Nguyên; và 9.000 đồng/kg đối với chè nguyên liệu (búp tươi) sản xuất chè xanh loại 1, 6.000 đồng/kg đối với chè nguyên liệu sản xuất chè đen tại thị trường Lâm Đồng. Giá chè trong nước được dự báo sẽ tiếp tục giữ ở mức ổn định như hiện tại trong các tháng cuối năm 2018, do chưa có dấu hiệu nào cho thấy giá sẽ biến động mạnh.

Để thúc đẩy sự phát triển của ngành chè, bên cạnh việc nâng cao chất lượng chè thì ngành chè cần có biện pháp khuyến khích tăng tiêu dùng chè trong nước, đặc biệt là trong bối cảnh lượng xuất khẩu đang có xu hướng giảm như hiện nay. Đồng thời, cũng cần đa dạng hóa các sản phẩm vào các phân khúc như chè hữu cơ, chè đặc sản để nâng cao giá trị gia tăng cho chè.

10. Sản

Xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản trong tháng 7 ước đạt 110 nghìn tấn với giá trị 53 triệu USD, lũy kế xuất khẩu 7 tháng đầu năm ước đạt 1,6 triệu tấn và 580 triệu USD, giảm 24% về lượng nhưng tăng 12,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. Trong 6 tháng đầu năm, Trung Quốc là thị trường nhập khẩu chính, chiếm tới 87% thị phần, giảm 25% về khối lượng nhưng tăng 9,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017.

Giá xuất khẩu sản lát của Việt Nam (FOB) trong tháng 7 giảm còn 232 USD/tấn (giảm 10 USD so với tháng trước), giá tinh bột sản xuất khẩu được chào giá ở mức 500

USD/tấn (giảm 20 USD so với tháng trước) nhằm cạnh tranh với Thái Lan sau khi nước này tiếp tục hạ giá chào bán 50 USD xuống mức 470-480 USD/tấn trong tháng 7 để giải phóng tồn kho.

Giá sản lát xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc tiếp tục giảm do nhu cầu từ thị trường này tiếp tục ở mức thấp, bên cạnh đó tỷ giá đồng nhân dân tệ cũng giảm 3-5% xuống mức 3.390 VNĐ đổi 1 đồng nhân dân tệ. Các hợp đồng giao tinh bột sản cũ đã giao xong hết trong khi hợp đồng ký mới gặp khó khăn do nhu cầu của Trung Quốc rất chậm.

Sang tháng 8, thị trường sản lát dự báo sẽ sôi động trở lại khi các nhà máy còn và hóa chất tại Trung Quốc tăng công suất hoạt động trở lại. Tuy nhiên, Trung Quốc hiện nay còn một lượng ngô tồn kho lớn do ngành chăn nuôi gặp khó khăn, lượng ngô tồn kho này đang được Trung Quốc nỗ lực giảm bớt thông qua sử dụng cho ngành sản xuất ethanol; do đó dự báo giá sản lát xuất khẩu sang Trung Quốc có thể khó tăng giá trong nửa cuối năm 2018.

11. Chăn nuôi

Trong tháng 7/2018, thị trường thịt toàn cầu có nhiều biến động khi chính sách áp thuế nhập khẩu đối với các sản phẩm thịt nhập từ Hoa Kỳ của Trung Quốc có hiệu lực từ ngày 6/7. Nguồn cung thịt lợn Hoa Kỳ đang tăng mạnh vượt nhu cầu nội địa trong khi hoạt động xuất khẩu ngày càng khó khăn buộc ngành thịt lợn Hoa Kỳ phải tìm kiếm các thị trường xuất khẩu khác. Trong khi đó, xuất khẩu thịt lợn của EU, Canada và Brazil có thể sẽ tăng trưởng tốt hơn bởi Trung Quốc phải tìm nguồn cung thịt lợn thay thế để đáp ứng nhu cầu trong nước. Không chỉ thịt lợn, động thái tăng thuế của Trung Quốc cũng sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động xuất khẩu thịt bò của Hoa Kỳ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nỗ lực xây dựng các chuỗi cung ứng bền vững sang Trung Quốc. Trong Báo cáo Triển vọng Thực phẩm vừa mới công bố vào tháng 7/2018, FAO dự báo mức tăng trưởng tất cả các loại thịt trên thế giới năm 2018 chỉ đạt 1,8%, thấp hơn nhiều so với 4,3% năm 2016 và 2,7% năm 2017 do lo ngại cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung làm gián đoạn các luồng thương mại sản phẩm thịt toàn cầu.

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 7 năm 2018 ước đạt 44 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 7 tháng đầu năm 2018 ước đạt 305 triệu USD, tăng 3,8% so với cùng kỳ năm 2017. Sáu tháng đầu năm 2018 giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ gia cầm chiếm đạt 19,4 triệu USD, tăng gấp gần 3 lần so với cùng kỳ năm 2017 và chiếm 5,3% thị phần; Giá trị xuất khẩu các sản phẩm từ trâu, bò và lợn đạt 1,7 triệu USD và 21,3 triệu USD, giảm 63,9% và giảm 56,4% so với cùng kỳ năm 2017. Giá trị xuất khẩu phụ phẩm sau giết mổ và sữa và các sản phẩm từ sữa tăng lần lượt là 2,4% và gấp 2,2 lần so với cùng kỳ năm 2017 và thị phần chiếm lần lượt là 54,3% và 23.2%

Trong tháng 7/2018, giá lợn hơi trong nước có xu hướng tăng; mức tăng so với tháng trước từ 3.000-5.000 đồng/kg. Tại một số tỉnh, thành ở miền Bắc, giá lợn hơi xuất chuồng chạm mốc 56.000 đồng/kg. Giá này đã tăng 200% so với cùng kỳ năm 2017 và đây được xem là mức giá cao kỷ lục trong nhiều năm qua. Giá lợn tăng cao không đồng đều tại các địa phương và tùy thuộc chất lượng lợn: tại Phở Yên (Thái Nguyên), Hải Hậu (Nam Định), Khoái Châu (Hưng Yên), Ứng Hòa (Hà Nội), Hải Dương, Quảng Ninh đạt mức cao nhất là 56.000 đồng/kg đối với lợn chất lượng cao, có trọng lượng trên 100kg /con; tại Ninh Bình tăng 5.000 đồng/kg lên mức 55.000 đồng/kg. Tại khu vực miền Trung (tại Hà Tĩnh) dao động ở mức 53.000 - 54.000 đồng/kg, tăng 3.000 – 4.000 đồng/kg so với tháng trước. Tại các tỉnh miền Nam giá lợn hơi thấp hơn và mức tăng không nhiều: tại tỉnh Bạc Liêu giá 46.000 đồng/kg; tại Tiền Giang, giá từ 47.000 – 48.000 đồng/kg; tại Đồng Nai giá khoảng 50.000 đồng/kg. Giá lợn hơi trong tháng 7/2018 tăng được nhận định chủ yếu vẫn do mất cân đối cung cầu cục bộ ở một số địa phương (hiện ngành Chăn nuôi đang phối hợp từng địa phương để khắc phục việc này); riêng giá tăng cao kỷ lục ở miền Bắc còn do thời tiết mưa lũ đã ảnh hưởng tới việc giết mổ cũng như hoạt động vận chuyển thịt lợn đến nơi tiêu thụ.

Giá trứng gia cầm có xu hướng tăng so với tháng trước. Tại các tỉnh Đông Nam Bộ và ĐBSCL, giá thu mua trứng gà tại trại tăng 50 đồng/quả lên 2.150 – 2.250 đồng/quả. Giá thu mua trứng vịt tại trại tăng 150 – 200 đồng/quả lên 2.400 – 2.650 đồng/quả. Giá trứng tăng do nguồn cung giảm trong bối cảnh mùa Trung Thu đang cận kề nên nhiều đơn vị đã bắt đầu gom hàng để chế biến bánh Trung Thu. Giá thu mua gà thịt tại khu vực Đông Nam Bộ và ĐBSCL tăng 4.000 – 6.000 đồng/kg lên mức 34.000 đồng/kg. Giá thu mua gà trắng tại hai khu vực này tăng 2.000 – 3.000 đồng/kg lên 33.000 đồng/kg. Dự báo tình hình chăn nuôi và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi gia cầm từ nay tới cuối năm vẫn phát triển tốt.

NHẬN XÉT CHUNG VÀ MỘT SỐ LƯU Ý

Đối với một số ngành hàng có những điểm cần lưu ý trong tháng tới như sau:

- **Lúa gạo:** Mặc dù xuất khẩu gạo trong các tháng tiếp theo được dự báo sẽ có nhiều cơ hội do nhu cầu nhập khẩu về cuối năm của một số thị trường chính như Philippines và các nước Trung Đông sẽ tăng. Tuy nhiên, ngành gạo cũng sẽ gặp phải rất nhiều khó khăn khi muốn tăng xuất khẩu trong những tháng tiếp theo do thị trường lớn nhất là Trung Quốc đã tăng thuế nhập khẩu gạo nếp và tăng cường kiểm soát chất lượng hàng hóa nhập khẩu vào nước này. Đồng thời, giá gạo cũng sẽ khó giữ ở mức cao do đồng USD tăng giá gây sức ép lên giá xuất khẩu; nguồn cung ở Việt Nam và Thái Lan cũng đang tăng do sắp thu hoạch vụ Hè-Thu với tín hiệu được mùa. Do đó, các doanh nghiệp cần tập trung đẩy mạnh kiểm soát và nâng cao chất lượng gạo xuất

khẩu, chủ động tìm kiếm thêm các thị trường mới có nhiều tiềm năng hơn, có giá trị cao.

- **Rau quả:** Trong các tháng cuối năm, xuất khẩu rau quả có thể sẽ khó khăn hơn về nguồn cung bị ảnh hưởng bởi mùa mưa bão đang tới, và nhu cầu thị trường có xu hướng giảm do ảnh hưởng chiến tranh thương mại Mỹ - Trung. Mặc dù nhiều FTA đã được ký kết trong thời gian qua tạo điều kiện cho ngành rau quả mở cửa các thị trường mới, nhưng các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng và VSATTP của các nước nhập khẩu này cũng vẫn là rào cản chính đối với xuất khẩu rau quả Việt Nam. Ngành rau quả và các doanh nghiệp xuất khẩu cần phải có các biện pháp thúc đẩy các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi, gia tăng tỷ lệ chế biến, bảo quản sau thu hoạch, kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng rau quả phục vụ xuất khẩu.
- **Chè:** Để thúc đẩy sự phát triển của ngành chè, cần tăng cường nâng cao chất lượng ngành chè và có biện pháp khuyến khích tăng tiêu dùng chè trong nước, đặc biệt là trong bối cảnh lượng xuất khẩu đang có xu hướng giảm như hiện nay. Đồng thời, cũng cần đa dạng hóa các sản phẩm vào các phân khúc như chè hữu cơ, chè đặc sản để nâng cao giá trị gia tăng cho chè. Lưu ý một số thị trường như Đài Loan, Hoa Kỳ còn có dư lượng một số thuốc BVTV vượt quá mức quy định cho phép.
- **Cà phê:** Thời gian tới, giá cà phê khó tăng mạnh do thị trường vẫn chịu áp lực nguồn cung từ mùa vụ mới và nhu cầu chưa có nhiều cải thiện. Doanh nghiệp và người dân cần thận trọng việc dự trữ tránh tình trạng giá giảm trở lại khi vào vụ thu hoạch trong quý 4 của Việt Nam.
- **Tiêu:** Dự kiến trong tháng 8 tới đây, các nước trồng tiêu lân cận như Malaysia, Indonesia sẽ vào vụ thu hoạch mới. Nguồn hàng mới này không chỉ gây thêm áp lực lên thị trường, mà ngay cả các nhà buôn hiện cũng chưa vội vàng giao dịch do muốn đợi hàng mới để chốt giá cho đơn hàng dịp cuối năm. Dự báo, từ nay đến cuối năm, mặt hàng hạt tiêu sẽ tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn khi cung đang vượt cầu.
- **Điều:** Doanh nghiệp cần nắm bắt kịp thời cơ chế chính sách của các nước nhập khẩu lớn, đặc biệt quan tâm đến những tiêu chuẩn về dư lượng thuốc BVTV, nâng cao giá trị sản phẩm thông qua tạo vùng nguyên liệu chất lượng cao, tập trung chế biến sâu sản phẩm để tăng cạnh tranh trên thị trường thế giới.
- **Cao su:** Mùa mưa kéo dài từ tháng 6 đến tháng 11, tập trung vào 2 tháng cao điểm là tháng 7 và tháng 10 là thời gian cây cao su dễ bị nhiễm các bệnh về nấm. Các doanh nghiệp cần lưu tâm đến khâu sản xuất, đặc biệt là thực hiện việc kiểm tra cây thường xuyên để phát hiện bệnh sớm và có biện pháp phòng trị bệnh vườn cây hiệu quả để nâng cao giá trị sản phẩm.
- **Chăn nuôi:** Đối với thịt lợn, việc mất cân đối cung cầu trong tháng 8 và các tháng cuối năm 2018 sẽ dần được khắc phục do từ tháng 3 giá bán tăng theo hướng có lợi cho người chăn nuôi, họ đã đầu tư trở lại cho tái đàn và nuôi thâm canh. Tuy nhiên, giá thịt lợn trong nước còn cao một vài tháng tới có thể sẽ phải đối mặt với cạnh tranh gia tăng từ thịt nhập khẩu do ảnh hưởng bởi cuộc chiến thương mại Mỹ-Trung khiến

nguồn cung thịt lợn của Mỹ tăng cao. Đối với trứng gia cầm dự báo sẽ tiếp tục tăng ổn định do nhu cầu thị trường đang tăng để phục vụ các ngành bánh ngọt, bánh Trung thu... Ngành chăn nuôi, đặc biệt là chăn nuôi lợn, cần tiếp tục cải tiến kỹ thuật, giảm giá thành để đảm bảo cạnh tranh với thịt nhập khẩu, và nâng cao chất lượng để hướng đến xuất khẩu.

Giá thịt lợn đang ở mức khá cao do nguồn cung chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường do một số nguyên nhân sau:

+ Khủng hoảng thừa, cung vượt cầu trong những tháng đầu năm 2017 người chăn nuôi thua lỗ nặng, thời gian kéo dài dẫn đến người nuôi bỏ chuồng không tiếp tục chăn nuôi nữa, đặc biệt là các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ (số lượng lợn dưới 20-30 con) bỏ chuyển đổi sang ngành nghề khác, tỷ lệ này chiếm tỷ trọng khá cao trong toàn ngành chăn nuôi.

+ Giá lợn giống rất cao từ 1,2 triệu đồng đến 1,5 triệu đồng/con loại 6-7kg tùy theo chất lượng lợn (thời điểm ổn định từ 0,5 triệu đồng đến 0,7 triệu đồng/con loại 6-7kg), với mức giá này rủi ro cho người nuôi là rất cao nếu đến thời điểm xuất chuồng không đạt mức giá cao như hiện nay.

- **Thủy sản:** Xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sẽ có nhiều khởi sắc trong những tháng tới, đặc biệt tại các thị trường lớn như Trung Quốc, Hoa Kỳ và EU. Tuy nhiên, tại một số thị trường ngách (Ả-rập xê út, Cô-oét) đã có những biện pháp gia tăng kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm và an toàn dịch bệnh đối với các sản phẩm thủy sản có nguồn gốc nhập khẩu từ Việt Nam. Do vậy, các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp thủy sản cần có các biện pháp tăng cường giám sát, đảm bảo chất lượng, an toàn dịch bệnh và tháo gỡ khó khăn vướng mắc từ các thị trường này.

- **Gỗ và các sản phẩm từ gỗ:** Những tháng nửa cuối năm luôn đạt giá trị tăng cao hơn so với các tháng đầu năm với ngành gỗ và các sản phẩm từ gỗ do thói quen tiêu dùng, mua sắm, thay thế nội, ngoại thất cũng như xây dựng trong nước và thế giới. Bên cạnh đó, một số thị trường như Mỹ (với cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung) trong tương lai gần là cơ hội để sản phẩm gỗ Việt thay thế sản phẩm gỗ Trung Quốc ở thị trường này. Mặt khác, các đơn hàng thường được hoàn thành vào cuối năm, do đó dự báo gỗ và các sản phẩm từ gỗ sẽ là nhóm hàng có những tín hiệu khả quan và là điểm sáng của xuất khẩu nông lâm thủy sản năm 2018. Về chính sách, Việt Nam và EU đang dần hoàn thành những thủ tục pháp lý trong tiến trình phê duyệt ký kết và phê chuẩn Hiệp định VPA/FLEGT. Đến giữa tháng 7/2018 Ủy ban châu Âu (EC) đã phê duyệt nội dung Hiệp định và đồng ý trình lên Hội đồng Bộ trưởng EU để cho phép ký chính thức. Phía Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã trình Chính phủ để xuất ký Hiệp định. Những hoạt động tích cực trong tiến trình cũng như những cam kết được nội luật hóa thông qua Luật Lâm nghiệp đã giúp ngành gỗ Việt đảm bảo được uy tín trên trường quốc tế về nguồn gốc gỗ hợp pháp, tạo cơ hội cho ngành gỗ phát triển, xuất khẩu bền vững trong tương lai.